

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI



BÀI DỰ THI
TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI 2015

Đồng Nai năm 2015

THÔNG TIN CÁ NHÂN DỰ THI

Họ và tên: TRẦN LÊ PHƯƠNG THẢO

Ngày sinh: 15-07-1995

Giới tính: Nữ

Nghề nghiệp: Công an

Dân tộc: Kinh

Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 30-8-2015

Đơn vị công tác: Đội 2, Phòng PV27, Công an tỉnh Đồng Nai

Nơi thường trú: phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 01626809214

Email: oahtlp157@gmail.com

Lời nói đầu

Đồng Nai là một địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị và an ninh quốc phòng của đất nước, là cửa ngõ phía Đông vào thành phố Hồ Chí Minh và là cầu nối Đông Nam Bộ với Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Trên cơ sở những tiềm năng, thế mạnh sẵn có cùng với sự quan tâm, đầu tư, hỗ trợ của Đảng và nhà nước, với ý chí quyết tâm và đồng thuận cao, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Đồng Nai đã vượt qua những cản trở, khó khăn, nỗ lực phấn đấu xây dựng Đồng Nai phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, trở thành một mắt xích quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía nam. Sau 40 năm xây dựng và phát triển, từ một nền nông nghiệp lạc hậu Đồng Nai đã vươn lên là một trong những tỉnh có GDP bình quân đầu người cao nhất cả nước (năm 2015 đạt 3.089 USD) và có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bình quân đạt khoảng 12,8%/năm (giai đoạn 2010-2015) cao hơn mức bình quân chung của cả nước và một số địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao; hệ thống chính trị ngày một vững mạnh và còn nhiều thành tựu khác trên tất cả các lĩnh vực.

Đạt được những thành tích đáng tự hào như vậy là nhờ sự chung tay góp sức của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Đồng Nai trong suốt những năm qua, đặc biệt là vai trò to lớn của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai. Trong từng thời kỳ, giai đoạn cụ thể Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã luôn làm tốt vai trò lãnh đạo của mình, đề ra những nghị quyết đúng đắn sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Đồng Nai giúp định hướng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Để chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X, Ban tuyên giáo tỉnh Đồng Nai đã tổ chức hội thi “ Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai năm 2015” với chủ đề tìm hiểu lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai. Là một đứa con của mảnh đất Đồng Nai - một Đảng viên trẻ tôi tự nhận thấy mình cần phải tham gia hội thi để nâng cao kiến thức, hiểu biết về lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nói riêng và các giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai nói chung với hi vọng có thể góp phần vào việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của tỉnh nhà.

Trả lời câu hỏi



Câu 1: Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua bao nhiêu kỳ Đại hội? Hãy nêu mục tiêu tổng quát qua các kỳ Đại hội?

❖ Trả lời:

Trải qua gần 40 năm hình thành và phát triển, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua 9 kỳ Đại hội, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X chuẩn bị được tổ chức vào ngày 29 tháng 9 năm 2015.

1. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ I (1976 – 1978)

Vòng 1 tiến hành từ ngày 11 đến 21-11-1976 ; vòng 2 từ ngày 6 đến ngày 10-4-1977 tại thành phố Biên Hoà. Tham dự có 420 đại biểu. *Đồng chí Lê Quang Chử được bầu làm Bí thư.*



*Đại hội
đại biểu
Đảng bộ
tỉnh Đồng
Nai lần
thứ I*

Mục tiêu tổng quát của Đại hội: Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện (nông, lâm, ngư nghiệp), từng bước xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh nông – công nghiệp giàu mạnh; cải tiến công tác phân phối lưu thông; hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đẩy mạnh cải tạo đối với nông nghiệp; phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội, từng bước xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, quét sạch tàn dư văn hoá nô dịch, thực dân mới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; Nắm vững và không ngừng củng cố hệ thống chuyên chính vô sản, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy hiệu lực của chính quyền; tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật và tư tưởng văn hoá, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt).

2. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ II (1978 – 1982)

Đại hội họp từ ngày 10 đến ngày 12-7-1979 tại Thành phố Biên Hòa. Tham dự Đại hội có 401 đại biểu đại diện cho trên 8000 Đảng viên trong toàn tỉnh. *Đồng chí Lê quang Chử được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy.*



*Đại hội đại
biểu Đảng
bộ tỉnh
Đồng Nai
lần thứ II*

Mục tiêu tổng quát của Đại hội: Ra sức ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân, đảm bảo cho mọi người có công ăn việc làm; Làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn, đáp ứng yêu cầu bảo vệ biên giới; Tăng cường quốc phòng và an ninh chính trị, bảo vệ Tổ quốc, kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu hành động phá rối, bạo loạn, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng trong mọi tình huống; Hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành công, nông, thương, lâm, ngư nghiệp, phát triển sản xuất, phục vụ đời sống, tăng thu nhập cho nhân dân; Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phát huy các thế mạnh của địa phương, đáp ứng yêu cầu trước mắt đồng thời chuẩn bị cho những năm tới. Ưu tiên phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và chế biến lương thực, thực phẩm; Ra sức xây dựng cơ sở gắn liền với xây dựng cấp huyện, kiện toàn cấp tỉnh, đảm bảo phát huy vai trò Đảng lãnh đạo, quần chúng làm chủ tập thể, cải tiến một bước về quản lý và tổ chức kinh tế, quản lý đời sống nhân dân, chống mọi biểu hiện tham ô, móc ngoặc, cửa quyền.

3. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ III (1982 – 1986)

Vòng 1 từ ngày 7 đến ngày 16-1-1982, vòng 2 từ ngày 24 đến ngày 28-1-1983 tham dự Đại hội có 423 đại biểu. Đồng chí Lê Quang Chử được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.



*Đại hội đại
biểu Đảng
bộ tỉnh
Đồng Nai
lần thứ III*

Mục tiêu tổng quát của Đại hội: Đáp ứng những nhu cầu cấp thiết nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; Tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư; Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất; Phân đấu nâng cao chất lượng và phát triển phong trào văn hóa xã hội; Thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng về mọi mặt và không ngừng tăng cường quốc phòng toàn dân, ra sức giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với sự nghiệp cách mạng cả nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế được giao; Tiếp tục củng cố hệ thống chuyên chính vô sản.

4. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ IV (1986 – 1991)

Đại hội được tổ chức tại thành phố Biên Hòa từ 20 đến 26-10-1986 với 447 đại biểu đại diện. *Đồng chí Phạm Văn Hy được bầu làm Bí thư tỉnh ủy.*



*Đại hội đại
biểu Đảng
bộ tỉnh
Đồng Nai
lần thứ IV*

Mục tiêu tổng quát của Đại hội: "...Phát triển mạnh mẽ nền kinh tế tỉnh Đồng Nai theo cơ cấu công – nông nghiệp hợp lý; phát triển nông nghiệp một cách

toàn diện, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, lương thực là trọng tâm theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phát huy các mũi nhọn: Công nghiệp chế biến, nông sản xuất khẩu và công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, giải quyết tích cực có hiệu quả thiết thực ba chương trình lớn về lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu. Tiếp tục nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới; xây dựng cơ chế quản lý mới, nhất là quản lý kinh tế mới, phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh ở cơ sở, xây dựng Đảng bộ vững mạnh mọi mặt”

5. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ V (1991 – 1996)

Vòng 1 tiến hành từ ngày 23 đến 25-4-1991, tham dự có 349/350 đại biểu được bầu cử dân chủ từ Đại hội của 17 Đảng bộ trực thuộc. Vòng 2 được tổ chức từ ngày 28-10 đến ngày 01-11-1991. Với 288 đại biểu, *đồng chí Phan Văn Trang làm Bí thư.*



*Đại hội đại
biểu Đảng
bộ tỉnh
Đồng Nai
lần thứ V*

Mục tiêu tổng quát của Đại hội: Ổn định và phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, mở rộng kinh tế đối ngoại và khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam; Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, xây dựng nông thôn mới, từng bước giải quyết lao động, giảm tỷ lệ tăng dân số đến năm 1995 xuống dưới 2%; Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đoàn kết toàn dân; tiếp tục đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng xã hội; Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh, đảm bảo trật tự trị an toàn xã hội, thực hiện nghiêm kỷ cương pháp luật, ổn định tình hình chính trị trong tỉnh.

6. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ VI (1996 – 2000)

Đại hội diễn ra từ ngày 02 đến ngày 04-5-1996 tại Thành phố Biên Hòa, tham dự Đại hội có 353 đại biểu, *đồng chí Trần Thị Minh Hoàng làm Bí thư.*



*Đại hội đại
biểu Đảng
bộ tỉnh
Đồng Nai
lần thứ VI*

Mục tiêu tổng quát của Đại hội là: “Giữ gìn và tăng cường ổn định chính trị; nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn thử thách; khai thác và tận dụng mọi nguồn lực cho yêu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phấn đấu xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh công nghiệp phát triển, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp – dịch vụ với mức tăng trưởng cao, liên tục, bền vững để đến năm 2000 hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp. Bảo đảm hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế liên tục, vững chắc với giải quyết các vấn đề văn hóa – xã hội, an ninh quốc phòng, nâng dần mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân; góp phần cùng cả nước thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển một cách toàn diện và đồng bộ, tạo tiền đề cơ bản cho bước phát triển cao hơn trong những năm đầu thế kỷ XXI”.

7. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ VII (2000-2005)

Đại hội được tiến hành tại thành phố Biên Hoà trong hai ngày 28 và 29-12-2000, dự Đại hội có 350 đại biểu. *Đồng chí Lê Hoàng Quân được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ.*

Mục tiêu tổng quát của Đại hội là: Tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, giữ vững ổn định chính trị, phát huy tối đa mọi nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh phù hợp tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, góp phần tích cực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung sức phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, lợi thế ở địa phương; ứng dụng

có hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, tạo nền tảng để đến năm 2010 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao, bền vững; gắn tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất - tinh thần của nhân dân với thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ và tái tạo môi trường sinh thái. Phấn đấu đến năm 2010, tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người tăng hơn 2 lần so với năm 2000, với cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hợp lý, làm giảm đáng kể tình trạng chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.



*Đại hội đại
biểu Đảng
bộ tỉnh
Đồng Nai
lần thứ VII*

8. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ VIII (2005 – 2010)

Đại hội được tiến hành từ ngày 21 đến ngày 23-12-2005 tại Thành phố Biên Hòa. Có 300 đại biểu, *đồng chí Trần Đình Thành được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy.*

Mục tiêu tổng quát của Đại hội là: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ hơn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng Đồng Nai thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.



*Đại hội đại
biểu Đảng
bộ tỉnh
Đồng Nai
lần thứ VIII*

9. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LẦN THỨ IX:

Đại hội họp từ ngày 23 tháng 9 năm 2010 đến ngày 25 tháng 9 năm 2010 tại thành phố Biên Hòa. Tham dự có 350 đại biểu, đồng chí Trần Đình Thành được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ.



*Đại hội đại
biểu Đảng
bộ tỉnh
Đồng Nai
lần thứ IX*

Mục tiêu tổng quát của Đại hội là: Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ môi trường; thực hiện tốt và đồng bộ các chính sách an sinh xã hội; nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng Đồng Nai thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa - hiện đại hóa vào năm 2015.

So với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai đã có gần 320 năm hình thành và phát triển thì 40 năm khôi phục và phát triển tỉnh nhà là khoảng thời gian không dài. Nhưng đó là một chặng đường mà ở đó, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Với những kết quả đã đạt được trên nhiều lĩnh vực, Đảng bộ Đồng Nai qua từng thời kỳ đã lãnh đạo mọi mặt tạo ra thế và lực để tỉnh nhà vượt qua những khó khăn, thử thách, đẩy lùi những yếu kém, khuyết điểm đạt được những thành tựu đáng tự hào về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng... Trước thềm Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X (2015 - 2020), xin được điểm lại chặng đường đã qua nhằm nhấn mạnh vai trò lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ Đồng Nai qua các thời kỳ là đúng đắn, năng động, nhạy bén... tin chắc vào Đại hội Đảng bộ tỉnh lần này sẽ thành công tốt đẹp, Nghị quyết Đại hội sẽ đem lại tin vui, sự phấn khởi nơi nhân dân, tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, đời sống nhân dân sẽ ngày được ấm no, hạnh phúc, Đồng Nai ngày càng phát triển bền vững và sẽ trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại trong tương lai không xa.

Câu 2: Chủ trương nào trong các kỳ Đại hội được bạn tâm đắc nhất, vì sao?

❖ Trả lời:

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX họp từ ngày 23 tháng 9 năm 2010 đến ngày 25 tháng 9 năm 2010 tại thành phố Biên Hòa. Nghị quyết của Đại hội đề cập đến nhiều nhiệm vụ cũng như giải pháp cần tập trung thực hiện để hoàn thiện và phát triển mọi mặt, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó tôi tâm đắc nhất với chủ trương “Tập trung thu hút, đãi ngộ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hình thành đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành đáp ứng yêu cầu phát triển”.

I, Tầm quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao:

Mỗi quốc gia để phát triển bao giờ cũng phải có các nguồn lực cho sự phát triển. Trong bất kỳ hình thái kinh tế xã hội nào, trình độ và tính chất phát triển có ra sao thì các nguồn lực cho sự phát triển vẫn là tư liệu sản xuất (đất đai, tài nguyên, máy móc thiết bị, công nghệ, tài chính...) và sức lao động (nguồn nhân lực và rộng ra là nguồn vốn con người, vốn xã hội...). Trong đó, sức lao động - con người là yếu tố động nhất, nguồn gốc của mọi của cải vật chất và sức sáng tạo ra các nền văn minh. Thực tiễn lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy, sự thành bại của các quốc gia không thể là quá trình lịch sử tự nhiên, tuần tự mà là một quá trình liên tục kế tiếp nhau của năng lực sáng tạo mang tính cách mạng của nhân loại qua các khúc quanh lịch sử. Một quốc gia giàu tài nguyên thiên nhiên rất thuận lợi cho sự phát triển nhưng chưa hẳn là quốc gia giàu có.

Trong khi đó, Nhật Bản là một quốc gia gần như không có tài nguyên gì đáng kể nhưng đã tạo nên một "thần kỳ Nhật Bản" với mô thức "truyền thống Nhật Bản cộng với kỹ thuật phương Tây" được cả thế giới ngưỡng phục.



Thành phố Tokyo về đêm

Cũng tương tự như vậy, với việc chú trọng phát triển giáo dục - đào tạo, nhất là ở bậc tiểu học; đẩy mạnh xuất khẩu và bảo đảm tiết kiệm quốc gia luôn ở mức trên 35% GDP, Hàn Quốc - một quốc gia nghèo tài nguyên, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, chỉ sau chưa đầy 30 năm, đã làm nên một "kỳ tích sông Hàn", đưa một nước nghèo trở

thành thành viên thứ 25 của OECD - Câu lạc bộ các quốc gia giàu có của thế giới.

Ngoài ra, một quốc gia giàu về truyền thống văn hóa thường rất nhiều tiềm năng cho sự phát triển, nhất là ở các giá trị tinh thần và chuẩn mực xã hội tạo dựng nên năng lực nội sinh cho phát triển bền vững. Tuy nhiên, việc chuyển hóa các giá trị văn hóa thành các tiền đề phát triển để các quốc gia giàu về truyền thống văn hóa phát triển thành các quốc gia thịnh vượng lại tùy thuộc rất đáng kể vào sức mạnh sáng tạo và tư duy đổi mới của con người ở các thế hệ tiếp sau. Trên thực tế, không phải quốc gia nào có các nền văn minh cổ đại rực rỡ cũng trở thành các quốc gia giàu có. Vùng Trung Mỹ rất tự hào với nền "văn minh Maya" nhưng sự giàu có của châu lục này lại thuộc về Bắc Mỹ - vùng "đất mới", nơi hội tụ và lan tỏa của trí tuệ con người được khởi nguồn từ văn minh công nghiệp châu Âu.



Bản đồ lịch sử văn minh của khu vực Trung Mỹ.

Kim tự tháp cổ Phetan của người Maya

Phần màu xanh lá cây chính là nơi phát triển của nền văn minh Maya.

Rõ ràng, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hóa rất quan trọng cho sự phát triển, nhưng quan trọng và quyết định nhất lại là tài nguyên con người, sự kết tinh của văn hóa và sức sáng tạo vô tận của nguồn lực con người. Nhà tương lai học Mỹ Ấy-vin Tô-phơ (Avill Toffer) đã nhận định rất đúng rằng "Tiền bạc tiêu mãi cũng hết, quyền lực rồi sẽ mất, chỉ có trí tuệ của con người thì khi sử dụng không những không mất đi, mà còn lớn lên". Hoa Kỳ trở thành nền kinh tế hàng đầu thế giới với nhiều nguyên nhân khác nhau, song điều không ai có thể phủ nhận đây là nơi đã khai sinh ra khoảng hai phần ba số lượng các nhà khoa học được nhận giải thưởng Nô-ben (Nobel) danh giá từ trước đến nay, với các nhà kinh tế học nổi tiếng như P.Cru-gmen, G.Xtiếc-lít (P.Krugman, J. Stiliz,...) những người luôn đưa ra những tư tưởng khoa học - công nghệ, tư duy phát triển "vượt trước" nhân loại. Một thí dụ khác, Xin-ga-po (Singapore) trở

thành một trong "bốn con hổ Châu Á", là đầu mối trung chuyển thương mại và dịch vụ của thế giới bởi họ luôn chú trọng xây dựng quốc đảo này thành "hòn đảo trí tuệ", nhấn mạnh vai trò quyết định của chất lượng nguồn nhân lực với "nhân tài là men ủ cho sự trỗi dậy của đất nước". Cũng tương tự như vậy, bằng đột phá từ công nghệ thông tin - một ngành công nghiệp mới luôn gắn với đổi mới và sáng tạo của con người, Ma-lai-xi-a đã tiên phong xây dựng "hành lang đa phương tiện" nhằm biến quốc gia này thành "đầu mối" nối mạng của cả khu vực và toàn cầu.



Từ những dẫn dụ trên đây, có thể khẳng định rằng, nguồn lực con người, vốn con người là hết sức quan trọng trong chiến lược và chính sách phát triển của mọi quốc gia. Theo Liên hợp quốc thì "nguồn nhân lực là tất cả những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, năng lực và tính sáng tạo của con người có quan hệ tới sự phát triển của mỗi cá nhân và đất nước". Ngân hàng thế giới cũng cho rằng "nguồn nhân lực là toàn bộ vốn con người, bao gồm thể lực, trí lực, kỹ năng nghề nghiệp của mỗi cá nhân". Như vậy, con người là tài nguyên đặc biệt và nguồn nhân lực là tổng hòa thể lực và trí lực của lực lượng lao động toàn xã hội. Nguồn nhân lực ấy kết tinh truyền thống, kinh nghiệm, trí tuệ của mỗi dân tộc và tinh hoa tri thức nhân loại được vận dụng để sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần phục vụ cho nhu cầu phát triển hiện tại và tương lai của mọi quốc gia.

Điều này càng hoàn toàn đúng và trở nên quan trọng hơn trong thời đại ngày nay, khi khoa học và công nghệ đã thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, kinh tế tri thức ngày càng chiếm ưu thế trong phát triển kinh tế - xã hội của mọi quốc gia - dân tộc; khi lợi thế cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã không còn dựa trên con số cộng của các yếu tố cấu thành đầu vào như: đất đai, khai thác tài nguyên, lao động rẻ, nhiều vốn tài chính, mà là dựa trên công nghệ, tri thức, tư duy đổi mới và năng lực sáng

tạo của chính con người. Nguồn nhân lực, nguồn vốn con người, theo đó, đang ngày càng

được xác định là yếu tố trung tâm trong hệ thống các nguồn lực phát triển, nhân tố quyết định việc khai thác, sử dụng, bảo vệ và tái tạo các nguồn lực khác. Và điều quan trọng hơn, ngày nay, nguồn nhân lực được mọi quốc gia quan tâm tới không phải là nguồn nhân lực nói chung, mà là nguồn nhân lực chất lượng cao. Đó là những người lao động có kỹ năng, các nhà kinh doanh năng động và tài ba, các nhà quản lý giỏi, các nhà khoa học và công nghệ xuất sắc, các nhà lãnh đạo chính trị có tầm nhìn chiến lược và tư duy đổi mới vượt trội. Do đó, cũng có thể nói, nguồn nhân lực chất lượng cao là nhân tài của các quốc gia, nhân tố quyết định năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của mọi nền kinh tế; quyết định vận mệnh của



các dân tộc và tương lai phát triển của nhân loại.

II, Các chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đề ra và tổ chức thực hiện nhiều chính sách, giải pháp đồng bộ nhằm thu hút, đãi ngộ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Giải pháp đối với từng đối tượng cụ thể như sau:

1, Đào tạo lao động kỹ thuật:

Phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục & Đào tạo trong nâng cao tỷ lệ lao động được đào tạo kỹ thuật trung cấp nghề chuyên nghiệp, cao đẳng chuyên nghiệp và đại học trên tổng số dân trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho người dân lao động, hộ nghèo về các chính sách, dự án, chương trình của Nhà nước liên

quan đến công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm để người dân nắm

được thông tin đầy đủ, chính xác về các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Phổ biến, tuyên truyền người dân lao động nông thôn đăng ký học nghề thuộc đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Huy động các doanh nghiệp thành lập cơ sở dạy nghề nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo lao động có tay nghề phù hợp với công nghệ sản xuất, đồng thời gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm sau khi tốt nghiệp khóa học, khắc phục tình trạng thiết bị dạy nghề thực hành tại đơn vị dạy nghề được đầu tư không theo kịp đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất của doanh nghiệp.

Phối hợp với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp xây dựng chính sách giữa Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp, thông qua chương trình giáo viên dạy nghề và học sinh thực tập sản xuất tại doanh nghiệp, giúp cho giáo viên tiếp cận thiết bị công nghệ mới để thường xuyên cập nhật kiến thức và kỹ năng, cải tiến chương trình đào tạo.

Tranh thủ nguồn vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các nguồn vốn tài trợ và huy động nguồn xã hội hóa để thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề.



Học viên tại Trung tâm dạy nghề huyện Định Quán được trang bị thiết bị hiện đại.

Rà soát lại quy hoạch ngành nghề và mạng lưới cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh, đầu tư theo nghề trọng điểm của từng trường, trung tâm, trên cơ sở đó đầu tư trang thiết bị dạy nghề phù hợp với chương trình nhằm đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật đạt chuẩn Quốc gia, khu vực và Quốc tế, nâng cấp trường cao đẳng Nghề thành trường đại học Nghề và một số trường trung cấp Nghề, trung tâm dạy nghề đủ điều kiện..

Có kế hoạch phối hợp phân luồng học sinh phổ thông sau khi tốt nghiệp vào các trường nghề, đồng thời đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để đảm bảo đầu ra cho học sinh cũng như đảm bảo chất lượng đào tạo theo nhu cầu thị trường sử dụng lao động.

Tiếp tục rà soát, đề xuất các chính sách hỗ trợ về kinh phí phù hợp với các đối tượng đặc thù như: Bộ đội xuất ngũ, học sinh dân tộc

thiếu số, đối tượng lao động nông thôn và hộ nghèo, người khuyết tật học nghề, lao động thuộc diện thu hồi đất - tái định cư, thanh niên xung phong, dân quân tự vệ, đối tượng đặc xá, thanh niên vi phạm pháp luật sau cải tạo trở về địa phương.

Tăng cường thực hiện giám sát, đánh giá trên cơ sở thiết lập hệ thống tiêu chí theo dõi, đánh giá phù hợp ở các cấp.

2, Đào tạo sau đại học

Phối hợp các ngành xây dựng cụ thể chỉ tiêu của từng ngành, lĩnh vực để quy hoạch đào tạo.

Cân đối giữa chỉ tiêu đào tạo trong nước và ngoài nước, giữa các ngành nghề để xây dựng kế hoạch cụ thể, đặc biệt là chủ động để đào tạo theo nhu cầu thực tế của tỉnh.

Chủ động sàng lọc, tìm kiếm các đối tác để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo.

Xây dựng kế hoạch, chương trình định hướng để có biện pháp cụ thể thực hiện, tập trung vào các giải pháp nâng cao chất lượng (chất lượng đầu vào, chất lượng đào tạo và hiệu quả công tác sau đào tạo), tránh việc chạy theo chỉ tiêu số lượng.

Đề xuất cơ chế đánh giá hiệu quả sau đào tạo và cơ chế thu hồi vốn để tái cho vay các đối tượng tiếp theo.

Tăng cường việc tuyên truyền sâu rộng chủ trương khuyến học, khuyến tài của tỉnh để các đối tượng đủ điều kiện có thể tiếp cận và tham gia chương trình; phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc giới thiệu ứng cử viên tham gia chương trình.

Định hướng phân bổ, sử dụng hiệu quả nhân lực sau đào tạo, trong đó có sự kết hợp giữa chính sách đào tạo với thu hút, sử dụng và các chính sách đãi ngộ khác của tỉnh.

Chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ, hỗ trợ từ trong và ngoài nước để đầu tư cho công tác đào tạo chuyên sâu cho cán bộ công chức của tỉnh.

3, Đào tạo năng khiếu

Xây dựng chương trình, kế hoạch và phân công cụ thể nhiệm vụ để tổ chức thực hiện; xây dựng tiêu chí và cơ chế phát hiện và bồi dưỡng tài năng trên các lĩnh vực.

Thực hiện việc tuyển chọn, sàng lọc các đối tượng để tổ chức các lớp năng khiếu phù hợp.

Nghiên cứu phối hợp với các trường chất lượng cao trong và ngoài nước để cử giáo viên, học sinh có năng khiếu đi đào tạo chuyên sâu.

Đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động của các lớp năng khiếu: Thành lập đội nhóm, câu lạc bộ, các cuộc thi... Để có thể tạo điều kiện cho các em phát huy năng khiếu của mình.

Học sinh tham gia cuộc thi khoa học – kỹ thuật - một trong những nội dung trong chương trình đào tạo năng khiếu cho các em



Xây dựng các chính sách kêu gọi, khuyến khích các trường đầu tư cho việc giảng dạy năng khiếu cho trẻ song song với việc nâng cao chất lượng dạy văn hóa. Đề xuất cải tiến chương trình, nội dung đào tạo theo hướng gắn việc học văn hóa với việc tham gia các lớp năng khiếu nhằm tạo điều kiện cho các em phát huy tài năng của mình.

Tăng cường tổ chức các hoạt động khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể thao nhằm tạo môi trường khuyến khích các em rèn luyện và là cơ sở phát hiện các tài năng để bồi dưỡng.

Tổ chức rà soát lại các chế độ, chính sách đang áp dụng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, huấn luyện viên và học viên để có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp.

4, Đào tạo nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị

Tổ chức rà soát, đánh giá lại toàn bộ chất lượng nguồn nhân lực của hệ thống chính trị, qua đó xác định nhu cầu, ngành nghề và định hướng đào tạo phù hợp từng năm, từng giai đoạn, trong đó chú ý đến tiêu chí cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ diện quy hoạch theo định hướng của Tỉnh ủy.

Triển khai làm tốt công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình đào tạo cụ thể gắn với yêu cầu thực tiễn của quản lý trong từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương, trong đó chú ý về tiêu chí tỷ lệ nữ.

Tập trung các giải pháp để nâng cao một bước chất lượng đào tạo: Cả về nội dung, phương pháp đào tạo và chất lượng đầu vào, đầu ra.

Xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả sử dụng sau đào tạo để có sự điều chỉnh phù hợp kế hoạch, quy hoạch đào tạo.



Bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ công chức cấp xã

Chủ động liên hệ, phối hợp với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để cử cán bộ công chức đi đào tạo.

Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ công chức tự học tập nâng cao trình độ, đồng thời xây dựng cơ chế để huy động các nguồn lực từ bên ngoài, các nguồn tài trợ để tăng cường đào tạo cán bộ công chức.

Tăng cường công tác tuyên truyền và phối hợp để cả hệ thống chính trị và cán bộ công chức nhận thức và quan tâm hơn nữa đến nhiệm vụ đào tạo.

Rà soát lại quy định về tiêu chuẩn các chức danh, các đối tượng để điều chỉnh, bổ sung phù hợp nhằm đảm bảo cho việc đào tạo có hiệu quả.

Tổ chức tốt việc kết hợp giữa các chính sách thu hút, đãi ngộ, tuyển dụng với đào tạo, sử dụng, đánh giá, bổ nhiệm nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đào tạo (đào tạo gắn với quy hoạch).

III, Kết luận

Chủ trương này làm cho tôi rất tâm đắc vì nó cho thấy Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã nhận thức sâu sắc được tầm quan trọng của việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai nói riêng và của đất nước nói chung. Tôi tin

rằng với sự quan tâm đầu tư đúng đắn, hợp lý cho việc phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai sẽ ngày càng gặt hái được nhiều thành tựu hơn nữa và nhanh chóng vươn tới mục tiêu trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

Câu 3: Đánh giá những hạn chế của ngành hoặc lĩnh vực nơi bạn đang công tác và đề xuất giải pháp khắc phục trong thời gian tới (hoặc ngành và lĩnh vực mà bạn biết và quan tâm nhiều nhất).

❖ **Trả lời:**

Vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay đang là một vấn đề vô cùng bức thiết của toàn nhân loại. Bởi nó không chỉ tác động đến riêng một quốc gia, dân tộc nào mà nó quyết định trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững; sự tồn tại, phát triển của cả thế hệ hiện tại và tương lai.

Những năm qua, trong bối cảnh chịu sự tác động khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu, Đảng, Nhà nước và trực tiếp nhất là Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo các ngành, các cấp nỗ lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ môi trường; nhiều biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường đã được triển khai thực hiện có hiệu quả; ô nhiễm môi trường đã từng bước kiểm soát và ngăn chặn; bảo vệ được môi trường sinh thái; hạn chế tác động xấu của môi trường đối với con người; phục hồi suy thoái và nâng cao chất lượng môi trường; thực hiện có hiệu quả các giải pháp để ứng phó với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; tăng cường đầu tư, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật về môi trường tạo nền tảng và tiền đề quan trọng cho sự phát triển tiếp theo. Song, trong quá trình phát triển cũng đã phát sinh những tác động ảnh hưởng đến môi trường, ở một số nơi môi trường còn bị ô nhiễm đã trở thành vấn đề bức xúc và còn nhiều thách thức.

Bản thân tôi là một chiến sĩ cảnh sát nhân dân được đào tạo chuyên ngành cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, do đó có điều kiện được tiếp xúc, tìm hiểu, nghiên cứu sâu các vấn đề bảo vệ môi trường cũng như nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan được giao chức năng quản lý nhà nước về môi trường. Từ đó tôi đã phát hiện được những hạn chế của lĩnh vực này.

I. Hiện trạng môi trường

- Chất lượng các thành phần môi trường qua kết quả quan trắc, theo dõi diễn biến nhìn chung đạt quy chuẩn môi trường nhưng chưa ổn định, bền vững, còn nhiều nguy cơ phát sinh ô nhiễm cục bộ.

- Chất lượng nước mặt ở đa số các sông, suối, hồ trong tỉnh như: Sông Đồng Nai, các hồ Trị An, Đa Tôn, Suối Tre, Cầu Mới, Núi Le, Gia Ui,... Nhìn chung đạt quy chuẩn môi trường về chất lượng

nước dùng làm nguồn cấp nước sinh hoạt. Một số sông, hồ trước đây ô nhiễm nặng nay đã phục hồi như sông Thị Vải, hồ Sông Mây. Tuy nhiên, vẫn còn một số khu vực có biểu hiện nguồn nước bị ô nhiễm như: Tại khu vực gần chân cầu La Ngà thuộc hồ Trị An, sông Cái, sông Đồng Nai đoạn chảy qua thành phố Biên Hòa; tại một số suối, kênh rạch thoát nước trong đô thị, nhất là trong thành phố Biên Hòa



*Suối Sắn
Máu đoạn
qua phường
Trảng Dài
(TP Biên
Hòa)*

(như suối Linh, suối Sắn Máu, suối Siệp và suối Bà Lúa). Những nguồn nước này thường bị ô nhiễm hữu cơ, vi khuẩn gây bệnh, chất lượng nước chưa được cải thiện nhiều trong thời gian qua, nhất là các kênh rạch thoát nước nội ô.

- Chất lượng nước dưới đất tương đối ổn định, qua kết quả quan trắc hầu hết các thông số hóa lý đều đạt tiêu chuẩn cho phép, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh (coliform) còn vượt quy chuẩn môi trường ở một vài trường hợp; cá biệt có phát hiện ô nhiễm pH, amoni, sắt, coliform tại một số điểm quan trắc.

- Chất lượng môi trường không khí tại hầu hết các khu đô thị, khu vực nông thôn nhìn chung đạt quy chuẩn môi trường. Tuy nhiên, ô nhiễm bụi trong không khí xung quanh còn phổ biến ở khu công nghiệp, các trục giao thông lớn. Cụ thể, qua quan trắc tự động tại 34 vị trí của 16 khu công nghiệp đóng trên địa bàn 6 huyện, thành phố đã cho kết quả các thông số môi trường không khí không đạt quy chuẩn, vượt từ 1 đến hơn 9 lần so với quy định. Tại khu công nghiệp tập trung Nhơn Trạch (huyện Nhơn Trạch) thông số bụi tổng hợp vượt 2,56 lần; quan trắc tại khu công nghiệp Long Thành cho thấy chỉ số bụi tổng hợp vượt 1,15 lần; khu công nghiệp Xuân Lộc vượt 1,23 lần; khu công nghiệp Hố Nai vượt 1,16 lần; khu công nghiệp Tam Phước vượt 1,19 lần; khu công nghiệp Amata vượt 1,35 lần; khu công nghiệp Biên Hòa 1 vượt 1,37 lần, khu công nghiệp Biên Hòa 2 vượt 1,34 lần so với quy chuẩn cho phép... Ngoài ra, qua quan trắc tại khu vực bãi rác tạm Đồng Mu Rùa - huyện Nhơn Trạch cho thấy chỉ số môi trường về bụi tổng hợp tại khu vực này vượt quy chuẩn 9,19 lần so với tiêu chuẩn cho phép. Cũng tại nút giao thông ngã

tư Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch thông số môi trường về tiếng ồn vượt 1,11 lần, thông số bụi tổng hợp vượt 1,42 lần so với quy chuẩn cho phép. Ngoài ra, tại các nút giao thông lớn còn có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ về monoxit cacbon (CO), nhưng tần suất phát hiện ô nhiễm còn thấp và không thường xuyên.



Ô nhiễm không khí tại các nút giao thông lớn

- Chất lượng môi trường đất các khu vực đô thị, khu công nghiệp và nông thôn nhìn chung đạt quy chuẩn môi trường.

II, Tồn tại, hạn chế của tình hình quản lý bảo vệ môi trường:

- Môi trường công nghiệp, đô thị vẫn chưa chuyển biến đáng kể. Còn 02 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động nhưng chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; hệ thống thoát nước và xử lý nước thải ở các đô thị chưa được xây dựng; tiến độ triển khai xây dựng các khu xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh còn chậm.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại, mặc dù đạt chỉ tiêu nhưng chưa xử lý đạt yêu cầu (chất thải thông thường xử lý đạt quy chuẩn khoảng 25%, chất thải y tế tư nhân chưa xử lý triệt để), đang gây ra áp lực lớn trong việc xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra mặc dù được tăng cường, nhưng việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp vẫn còn hạn chế, chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường dẫn đến tồn tại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và ô

nhằm môi trường nghiêm trọng; việc xử lý một số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng còn chậm và chưa triệt để.

III, Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

- Về khách quan: Hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường chưa đồng bộ, hoàn chỉnh, các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường chưa đáp ứng quá trình phát triển công nghiệp hóa, đô thị hóa; cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến việc đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật về môi trường và các hạng mục công trình xử lý chất thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Về chủ quan: Chủ yếu là do các ngành, các cấp nhận thức chưa sâu sắc và đầy đủ về tầm quan trọng của quan điểm phát triển bền vững của Đảng, Nhà nước; sự phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường chưa chặt chẽ, đồng bộ; năng lực cán bộ quản lý môi trường chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một số doanh nghiệp chưa cao; nhận thức về lợi ích bảo vệ môi trường, về vệ sinh môi trường của cộng đồng còn hạn chế; ngoài ra, do việc đầu tư các công trình bảo vệ môi trường cũng như cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường yêu cầu kinh phí lớn, công nghệ và tính chất phức tạp nên thủ tục, thời gian



thực hiện kéo dài.



Lực lượng Cảnh sát môi trường làm việc với trang bị thiếu thốn

IV, Những giải pháp cụ thể cần thực hiện:

1. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường:

Muốn cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường và giữ cho môi trường trong sạch thì đầu tiên chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức,

trách nhiệm và hành động của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và cộng đồng để bảo vệ môi trường.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

- Thực hiện dự án tổng thể về tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng trên địa bàn tỉnh định hướng đến 2020.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức trách nhiệm và hành động thực tiễn của doanh nghiệp, cộng đồng

về sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức, đa dạng hóa nội dung, hướng đến từng nhóm đối tượng cụ thể như: Thông qua chương trình liên tịch với các đoàn thể, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các tuyên truyền cho học sinh trong các buổi chào cờ đầu tuần, phát động và duy trì thường xuyên các hoạt động hưởng ứng các tuần lễ bảo vệ môi trường... Nội



*Hoạt
động
tuyên
truyền
bảo vệ
môi
trường*

dung tập trung vào tuyên truyền, phổ biến về hậu quả của ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu; vận động các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ giảm thiểu phát thải khí nhà kính, tiết kiệm và tái sử dụng nước, tài nguyên; công khai thông tin về diễn biến chất lượng môi trường, kết quả xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; các vấn đề bức xúc về môi trường được xã hội, dư luận quan tâm.

- Nâng cao vai trò giáo dục của gia đình và sự nêu gương của phụ huynh về vấn đề bảo vệ môi trường cho học sinh từ những hành động nhỏ nhất như: bỏ rác đúng nơi quy định, trồng thêm một cây xanh, tiết kiệm điện, nước hằng ngày...

- Cập nhật và công bố công khai các thủ tục hành chính rộng rãi ở các cấp; tập huấn các văn bản pháp luật về môi trường; tăng cường công tác giáo dục môi trường trong hệ thống giáo dục trên địa bàn tỉnh.

2. Phòng ngừa, khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm nhằm cải thiện chất lượng môi trường:

Tăng cường đầu tư, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật về môi trường; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra; nâng cao năng lực quan trắc, theo dõi chặt chẽ diễn biến môi trường, có giải pháp ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu, khắc phục và giảm thiểu ô nhiễm, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

- Hạn chế ô nhiễm môi trường không khí bằng cách cần thay đổi các phương tiện lạc hậu bằng phương tiện sạch như: xe điện, xe sử dụng nhiên liệu sạch, sử dụng các phương tiện công cộng như xe buýt để giảm thiểu lượng khí phát thải từ các phương tiện giao thông cá nhân. Đồng thời, các loại xe ô tô, xe gắn máy phải được chính quyền các cấp quản lý chặt các khâu đăng kiểm". Bên cạnh đó, quy hoạch đô thị hợp lý từ phân khu chức năng đô thị và tăng mật độ cây xanh trong đô thị.

- Tập trung xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị và hệ thống khu xử lý chất thải



rắn.

Hệ thống xử lý nước

Bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh

thải khu công nghiệp

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án cải tạo các khu vực bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung tăng cường giám sát, quan trắc các nguồn thải; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp; áp dụng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án xử lý chất thải nhằm giảm thiểu tác động của xâm nhập mặn và ô nhiễm môi trường trên lưu vực sông Đồng Nai.

- Triển khai kế hoạch hành động khắc phục hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Đồng Nai, gồm: Quan trắc, đánh giá phạm vi, mức độ tồn lưu và hậu quả lâu dài của chất độc hóa học đối với con người và môi trường; xác định và triển khai các giải pháp nhằm khắc phục một cách cơ bản ô nhiễm môi trường, phục hồi tài nguyên và chăm sóc các nạn nhân chất độc hóa học; nâng cao nhận thức, trách nhiệm tham gia của cộng đồng, của Quốc tế và năng lực khắc phục hậu quả chất độc hóa học.

- Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án công nghệ cao, công nghệ sạch và thân thiện môi trường, ứng dụng công nghệ năng lượng mới; kiên quyết không cho phép đưa vào hoạt động, vận hành các cơ sở không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về bảo vệ môi trường. Hạn chế đầu tư vào các ngành khai thác tài nguyên, sử dụng diện tích đất lớn, tiêu hao nhiều năng lượng.

- Thực hiện chặt chẽ, đúng quy định công tác thẩm định và phê duyệt đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, các dự án về xử lý chất thải. Tăng cường việc quản lý, cấp phép đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn thông thường và nguy hại, chất thải y tế).



tin 70i trường

Kiểm tra cơ sở vi phạm về môi trường

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất về bảo vệ môi trường hàng năm, tập trung vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các doanh nghiệp có nguồn thải lớn, hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản

xuất, hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và phân bón.

- Tiếp tục thực hiện Thông tư 04/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn và tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và chứng nhận khắc phục ô nhiễm đồng thời xử lý nghiêm minh các cơ sở cố tình không khắc phục theo qui định pháp luật.

- Kiên quyết xử lý nghiêm minh các sai phạm, công khai thông tin kết quả xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân biết và cùng tham gia giám sát.

- Nâng cao năng lực quan trắc, theo dõi chặt chẽ diễn biến môi trường. Đẩy mạnh công tác điều tra, nắm chắc các nguồn gây ô nhiễm, nhất là các khu vực trọng điểm. Đầu tư trang thiết bị công nghệ, chú trọng đầu tư thiết bị quan trắc tự động về môi trường nước, không khí.

- Triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường; tiếp tục triển khai thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Nghị định 25/2013/NĐ-CP, đối với khai thác khoáng sản theo Nghị định 74/2011/NĐ-CP và chất thải rắn theo Nghị định 174/2007/NĐ-CP và nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định.

- Chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, ứng phó và khắc phục ô nhiễm môi trường do thiên tai, sự cố môi trường xảy ra trên địa bàn, tăng cường phối hợp với các tỉnh, thành trong khu vực.

3. Bảo vệ và khai thác hợp lý, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên:

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn tài nguyên đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

- Thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai; quy hoạch cát, sỏi, đá xây dựng trên địa bàn tỉnh; tiếp tục điều tra, đánh giá đúng thực trạng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn, bảo vệ các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.



- Tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh; lập và triển khai thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành lập quy hoạch tài nguyên nước. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác nước dưới đất, bảo đảm khai thác và sử dụng hợp lý, bền vững nguồn tài nguyên nước.

- Tăng cường kiểm soát việc thăm dò và cấp phép khai thác khoáng sản, tài nguyên nước; thẩm định cấp phép xả nước thải vào nguồn nước của các đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các đơn vị khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước. Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

4. Bảo tồn đa dạng và an toàn sinh học:

Bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái, các loài sinh vật và tài nguyên di truyền; kiểm soát và quản lý đa dạng sinh học trong bối cảnh tỉnh Đồng Nai phát triển công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

- Thực hiện dự án tổng thể về bảo tồn đa dạng và an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh; tăng cường năng lực quản lý Nhà nước, kiện toàn hệ thống tổ chức, đào tạo đội ngũ cán bộ, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật về bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học và quản lý an toàn sinh học.

- Tổ chức điều tra, đánh giá, đề xuất các giải pháp ngăn ngừa và hạn chế sự phát triển các loài sinh vật ngoại lai xâm hại môi trường.

- Bảo vệ phát triển rừng, đẩy nhanh tiến độ trồng rừng tập trung, phân tán; kiểm soát chặt chẽ việc săn bắt, khai thác và buôn bán động thực vật quý hiếm. Lập và triển khai quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.



Trồng cây gây rừng

- Thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống cháy rừng, nhất là rừng đầu nguồn xung yếu và rừng phòng hộ; tăng cường công tác bảo vệ Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, Vườn Quốc gia Cát Tiên.

5. Bảo vệ môi trường tại các khu vực trọng điểm:

Tập trung bảo vệ môi trường các khu vực trọng điểm như khu vực đô thị, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, khu vực nông thôn để nâng cao chất lượng môi trường góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

a) Bảo vệ môi trường khu đô thị:

- Triển khai thực hiện các dự án khắc phục và cải tạo môi trường khu vực đô thị gồm: dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch; các dự án hệ thống thoát nước; dự án nạo vét suối Sắn Máu (Biên Hòa); dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị: Long Khánh, Long Thành, Dầu Giây, Trảng Bom, Gia Ray, Định Quán, Vĩnh An.

- Lập, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Đồng Nai bao gồm: Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại liên huyện, khu xử

lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại, các khu xử lý chất thải rắn thông thường. Xây dựng và thực hiện kế hoạch xử lý các bãi rác đến thời hạn đóng cửa và bãi rác tạm gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn y tế của các bệnh viện huyện và bệnh viện khu vực. Đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải hiện có các bệnh viện, Trung tâm Y tế các huyện, các trạm y tế xã, phường, thị trấn.

- Ban hành tiêu chí xác định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc diện phải di dời ra khỏi khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; lập và công bố danh sách các cơ sở thuộc diện phải di dời và thực hiện kế hoạch di dời, đảm bảo đúng tiêu chí, lộ trình và các cơ chế, chính sách hỗ trợ.

- Thực hiện di dời các cơ sở chăn nuôi vào các vùng quy hoạch khuyến khích phát triển chăn nuôi.

b) Bảo vệ môi trường khu công nghiệp và cụm công nghiệp:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung các khu công nghiệp, đẩy mạnh việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải của các cụm công nghiệp, đảm bảo 100% khu công nghiệp và trên 30% cụm công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường. Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc tự động tại các khu công nghiệp đã lắp đầy trên 50% diện tích.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý thu gom, vận chuyển và xử lý, tiêu hủy chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Bảo vệ môi trường khu vực nông thôn:

- Tiếp tục thực hiện Chương trình Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung thực hiện quy hoạch các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi và các cơ sở giết mổ tập trung đã được phê duyệt; xây dựng và triển khai Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020; dự án khí sinh học (biogas) cho ngành chăn nuôi ở Việt Nam.

- Đẩy mạnh phổ biến, tập huấn về kỹ thuật canh tác trong nông nghiệp, về quản lý dịch hại tổng hợp, về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, xử lý chất thải triệt để trong nông nghiệp; kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh. Tăng cường thực hiện phòng chống dịch hại vật nuôi (như dịch cúm gia cầm, dịch lở mồm long móng, dịch heo tai xanh); quy hoạch và xây dựng các điểm chôn lấp, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

IV, Kết luận

Môi trường có một vai trò rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của toàn nhân loại, nó ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của mọi cá nhân và sự phát triển kinh tế xã hội của mọi đất nước. Qua những phân tích trên đây chúng ta có thể thấy được phần nào thực trạng ô nhiễm môi trường tại Đồng Nai cũng như những tồn tại hạn chế trong việc quản lý môi trường từ đó đề ra những giải pháp bảo vệ môi trường thích hợp với tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh nhà.

Đảng bộ Đồng Nai cũng đã đặt rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường với việc phát triển kinh tế trong nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IX (2010-2015): “...đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ môi trường...”. Bởi nếu không có một chính sách bảo vệ môi trường đúng đắn nền kinh tế sẽ bị thiệt hại trước mắt cũng như lâu dài và đất nước không thể phát triển một cách bền vững. Do vậy đòi hỏi phải có một chiến lược lâu dài, một sự phối hợp của tất cả các ban ngành và người dân, hợp sức cùng nhau không còn là điều lựa chọn mà là điều cần thiết. Tôi mong rằng những đề xuất của tôi có thể đóng góp phần nào vào công tác bảo vệ môi trường của tỉnh Đồng Nai nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Lời kết chung

Hội thi “Tìm hiểu lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai” đã giúp tôi hiểu thêm về lịch sử hình thành và phát triển của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai qua các thời kỳ đồng thời củng cố niềm tin và lòng tự hào của tôi về truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh. Tôi nhận thấy rằng việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống văn hóa lịch sử của tỉnh nhà là vô cùng quan trọng và càng biết ơn, trân trọng những thế hệ cha anh đi trước đã hết lòng cống hiến bao tâm huyết xây dựng Đảng bộ vững mạnh như ngày hôm nay.

Là một Đảng viên trẻ, là người chiến sĩ công an nhân dân, tôi nguyện tiếp bước cha anh sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và ngành giao phó; tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà Nước, nghị quyết, chỉ thị và điều lệnh công an nhân dân; thể hiện sự xung kích của tuổi trẻ, sẵn sàng đi bất cứ đâu làm bất cứ việc gì khi Đảng, Tổ quốc và nhân dân cần đến. Bên cạnh đó, tôi cũng không ngừng học tập nâng cao trình độ kiến thức về mọi mặt, trao dồi nghiệp vụ năng lực công tác, trình độ chính trị, đạo đức nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của đơn vị với mục

tiêu đảm bảo sự ổn định về an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trong công tác và chiến đấu phải luôn giữ mối quan hệ mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước cho nhân dân, luôn lấy dân làm gốc để xây dựng mối quan hệ quân dân, làm tốt công tác dân vận, gương mẫu xây dựng hình ảnh người chiến sĩ Công an nhân dân tốt trong lòng dân, làm cho dân tin yêu. Thường xuyên tham gia công tác xây dựng Đảng và lực lượng công an nhân dân thành một tổ chức chặt chẽ, có tinh thần đoàn kết cao, gắn bó mọi người, mọi đơn vị, mọi cấp vào trong một ý chí, hành động thống nhất; không ngừng nêu cao tinh thần đoàn kết nội bộ, xây dựng đơn vị trong sạch vững mạnh, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình để giúp đỡ đồng chí, đồng đội cùng tiến bộ, thực hiện nếp sống mỗi người vì mọi người; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, tham nhũng lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, giảm sức chiến đấu của lực lượng công an nhân dân; giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, tôn trọng kỷ luật trong Đảng, tham gia sinh hoạt và thực hiện đầy đủ quy định của tổ chức Đảng.

Duy trì thực hiện thường xuyên những nhiệm vụ đã nêu trên sẽ góp phần bảo vệ, xây dựng và phát triển Đảng bộ tỉnh Đồng Nai ngày càng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Những thành tựu mà toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh nhà đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua là cơ sở, tiền đề quan trọng tạo thêm niềm tin, ý chí quyết tâm để toàn tỉnh tiếp tục đoàn kết, chung sức phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa X đề ra trong nhiệm kỳ 2015-2020.

Mục lục

Lời nói đầu	1
Trả lời câu hỏi	
• Câu 1	3
• Câu 2	10
• Câu 3	18
Lời kết	29

